



TRIỀU NGUYỄN VỚI VIỆC DUNG HÒA MỐI QUAN HỆ VIỆT NAM – CHÂN LẠP – XIÊM LA, TRÁNH NGUY CƠ CHIẾN TRANH NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX (1802 – 1847)

Nguyễn Văn Luận*

Trường TH - THCS - THPT Mùa Xuân – TP Hồ Chí Minh

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 30-3-2015; ngày phân biên đánh giá: 20-7-2015; ngày chấp nhận đăng: 25-5-2017

TÓM TẮT

Đầu thế kỉ XIX, vấn đề Chân Lạp là mối quan tâm hàng đầu của Xiêm La và Việt Nam. Trong thời gian này, mối quan hệ Việt – Xiêm bộc lộ rõ mọi trạng thái của nó. Mối quan hệ này là kết quả từ việc bảo hộ Chân Lạp – láng giềng “phên giậu” của hai nước. Bài viết này làm sáng tỏ sự tích cực của triều Nguyễn trong việc dung hòa mối quan hệ Việt Nam – Chân Lạp – Xiêm La, tránh nguy cơ chiến tranh trong thời kì 1802 – 1847.

Từ khóa: bảo hộ, quan hệ Việt Nam – Chân Lạp – Xiêm La, xung đột quân sự.

ABSTRACT

*The Nguyễn Dynasty and the reconciliation of relations
between the three kingdoms of Vietnam, Chenla, and Siam to prevent war
in the first half of the 18th century (1802-1847)*

In the first half of the 18th century, Chenla was the top priority of concern of both Siam and Vietnam. During this period, relations between Vietnam and Siam experienced all of its stages, resulting from the guardianship of Chenla, a neighbor of both countries. The article clarifies the activeness of the Nguyễn Dynasty in the reconciliation of relations between the three kingdoms of Vietnam, Chenla and Siam to prevent war during the period of 1802-1847.

Keyword: guardianship, relations between the three kingdoms of Vietnam, Chenla and Siam, military conflict.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam và Xiêm La trong thời phong kiến là hai nước láng giềng không có chung biên giới, nhưng có chung một mối thâm tình với Chân Lạp. Ngược lại, Chân Lạp là quốc gia phong kiến có quan hệ láng giềng gần bó với cả hai quốc gia Việt Nam và Xiêm La. Ở vị trí và trạng thái bị “kẹp giữa” Xiêm La và Việt Nam,

Chân Lạp là cầu nối trong mối quan hệ láng giềng theo tiến trình “Đông tiến” của Xiêm La và “Tây tiến” của Việt Nam. Mối quan hệ Việt Nam - Chân Lạp - Xiêm La vừa tế nhị, vừa phức tạp, nhưng trong triều Nguyễn nửa đầu thế kỉ XIX, nhiều mâu thuẫn có khả năng xung đột và trở thành nguy cơ chiến tranh đã được giải quyết một cách êm đẹp. Triều Nguyễn đã cố gắng xử

* Email: luan1186@gmail.com

trí mềm dẻo, linh hoạt các mối quan hệ láng giềng, tránh được những xung đột và hóa giải những nguy cơ chiến tranh song vẫn bảo vệ được nền độc lập, tự chủ của đất nước.

2. Chân Lạp, cầu nối láng giềng của Việt Nam - Xiêm La

Chân Lạp nằm trên bán đảo Trung Ấn, phía Đông giáp Việt Nam, phía Tây giáp Xiêm La, thuộc trung lưu sông Mê Kông, nơi đây có những vùng trù phú, đông đúc nhất xứ. Biển Hồ cung cấp nguồn thủy sản dồi dào, tạo điều kiện cho nghề đánh bắt cá của ngư dân khá phát triển, vì thế, gạo và cá là thức ăn chính của cư dân nơi đây. Bên cạnh đó, Chân Lạp còn có nguồn lâm sản phong phú như sa nhân, đậu khấu, cánh kiến, ngà voi... Dãy núi Sắt (Phnôm Dek) cho nhiều khoáng sản, trong đó có giá trị nhất là vàng, bạc. Nơi đây còn có vịnh Xiêm La (nay gọi là vịnh Thái Lan), con đường huyết mạch để Chân Lạp giao thương với nhiều nước khác mà không phải thông qua các nước láng giềng. Vùng biển của Chân Lạp chiếm một vị trí quan trọng đối với quốc gia nào muốn kiểm soát vịnh Thái Lan.

Như vậy, Chân Lạp là vùng đất có nhiều tiềm năng kinh tế, những tài nguyên của Chân Lạp là một lợi thế mà không phải quốc gia nào trong khu vực cũng có được. Chính vì vậy, Việt Nam và Xiêm La đã sớm ý thức rõ tiềm năng kinh tế của Chân Lạp thông qua hoạt động trao đổi buôn bán của cư dân hai nước cũng như những cống phẩm của triều đình Chân Lạp.

Đối với cả hai nước Việt Nam và Xiêm La, Chân Lạp là quốc gia láng giềng

chung. Trong vấn đề bảo vệ chủ quyền và an ninh, bất kỳ quốc gia nào cũng quan tâm đến các nước láng giềng của mình. Nước láng giềng có thể là đồng minh tin cậy giúp “phòng thủ từ xa”, có thể là kẻ thù trực tiếp nhất, cũng có thể là mảnh đất tiền tiêu mà các thế lực khác lợi dụng để can thiệp. Chính vì những lí do đó, cả Việt Nam và Xiêm La xem việc đặt ảnh hưởng ở Chân Lạp không chỉ đơn thuần là quốc gia có tiềm lực kinh tế mà vấn đề chính của hai nước là vấn đề chủ quyền, an ninh quốc gia, hai bên muốn dùng Chân Lạp làm “tấm lá chắn” nhằm ngăn chặn cuộc xâm lược từ những nước khác, nhất là cuộc “Đông tiến” của người Miến Điện, thậm chí Xiêm La còn có ý đồ đánh chiếm vùng đất phía Nam của Việt Nam, vì khu vực này nằm trên trục chính phía Đông của tuyến hải thương châu Á. Mọi quan tâm của Xiêm La không chỉ dừng lại ở lãnh thổ Chân Lạp mà còn cả miền Nam Việt Nam. Đối với Việt Nam, vừa phải đối mặt với phương Bắc (Trung Quốc), vừa phải đề phòng quá trình “Đông tiến” của Xiêm La cho nên Chân Lạp đối với Việt Nam càng trở nên quan trọng. Ý thức rõ vai trò “phên giậu” của Chân Lạp đối với Việt Nam trước sự tấn công của Xiêm La, vua Gia Long và những người kế tục luôn nắm bắt cơ hội đặt ảnh hưởng ở đây. Các vua Nguyễn luôn gọi vua Chân Lạp là “Phiên vương” và nước Chân Lạp là “Phiên quốc”.

3. Thiết lập quan hệ hữu nghị Việt Nam - Chân Lạp - Xiêm La (1802-1833)

Trong giai đoạn này mối quan hệ giữa hai nước hết sức hòa hiếu, tốt đẹp: Năm Gia Long thứ Tám (1809), khi sứ giả

nước Xiêm La đến Huế báo tin buồn vua Ra Ma I qua đời, vua Gia Long liền “*sai hai bộ sứ đến nước Xiêm cúng Phật vương trước và mừng Phật vương mới*” (Nội các triều Nguyễn, 1993, tr.504). Khi vua Gia Long lên ngôi, vua Xiêm La cũng sai sứ bộ sang chúc mừng. Hai nước thường xuyên trao đổi tin tức về tình hình Ai Lao, Chân Lạp, thông báo tình hình của hai vương triều cho nhau, trao đổi hàng hóa và cứu đói, cứu nạn khi thuyền của hai bên gặp nạn, “*Thuyền bị nạn nước Xiêm dạt vào phần biển Quảng Ngãi, vua sai Trấn thành cấp tiền gạo cho về*” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1993, tr.571).

Ngoài việc trao đổi, buôn bán với nhau, Việt Nam và Xiêm La còn xây dựng tình hòa hiếu trong vấn đề bảo hộ Chân Lạp: “*Nặc Chân đem thần dân trong nước để tôn thờ hai nước lớn, cũng chỉ là mong nhờ uy đức để giữ gìn bờ cõi toàn vẹn, đây là biện pháp tốt nhất dung hòa mối quan hệ Việt - Xiêm*” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1963, tr.113).

Trong mối quan hệ này hai bên cùng có lợi về vấn đề kinh tế và an ninh quốc gia. Vì vậy, vua Gia Long đã di chiếu “*nước ta và Xiêm La có nghĩa láng giềng từ lâu, Chân Lạp là nước phiên thần của ta, chưa làm gì thất lễ, há gây hấn ngoài ngoài biên*” (Đỗ Bang, Nguyễn Minh Tường, 1996, tr.200) nhằm ngăn ngừa nguy cơ chiến tranh với Xiêm La, đồng thời tăng cường đẩy mạnh quá trình đặt ảnh hưởng ở Chân Lạp.

Quan hệ Việt Nam - Xiêm La trong vấn đề bảo hộ Chân Lạp là thời kì quan hệ ba nước khá hòa dịu, riêng quan hệ Việt -

Xiêm khá tốt đẹp. Hai bên cùng đặt ảnh hưởng ở Chân Lạp, bắt Chân Lạp “*thần phục kếp*” bằng con đường hòa bình. Việc dung hòa mối quan hệ Việt Nam - Chân Lạp - Xiêm La ở giai đoạn này đã đưa đến kết quả: Phía Xiêm La, vẫn bắt Chân Lạp thần phục và đóng quân ở Bat-tam-bang, giữ quan hệ hòa hiếu, tránh xung đột bất lợi với Việt Nam. Phía Việt Nam, bắt Chân Lạp thần phục, bảo hộ Chân Lạp, vùng đất đai quân Việt Nam chiếm giữ đặt là Trấn Tây thành, cố gắng giữ hòa hiếu với Xiêm La nhưng vẫn có sự phòng bị. Phía Chân Lạp: Từ năm 1811, các anh em của vua Nặc Ông Chân là Nặc Ông Nguyên, Nặc Ông Yêm, Nặc Ông Đôn nổi dậy tranh giành quyền lực, triều đình U Đông rối ren. Nội bộ vương triều Chân Lạp có những diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến quan hệ Việt - Xiêm.

Vua Xiêm đưa quân vào giúp Nặc Ông Nguyên, trong khi đó Nặc Ông Chân chạy sang cầu cứu Việt Nam, vua Gia Long gửi thư sang Xiêm trách cứ, vua Xiêm phúc đáp việc đưa quân sang Chân Lạp chỉ nhằm mục đích giúp Nặc Ông Nguyên và xin triều Nguyễn “*xử trí thế nào Xiêm La cũng thuận lòng*” (Trần Trọng Kim, 2005, tr.412). Kết quả là Nặc Ông Chân vẫn giữ được ngôi vua nhưng phải thần phục cả Xiêm La và Việt Nam. Dù thần phục cả hai, nhưng Nặc Ông Chân đã nghiêng về phía Việt Nam “*Nặc Ông Chân ơn ta mà thù Xiêm, nước Xiêm chưa hết giận, việc Chân Lạp hẳn là chưa xong được*” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, tr.826). Đúng như những gì triều Nguyễn dự đoán, năm 1814 Xiêm La sai sứ đem vật

phẩm đến hiến, kèm theo bức thư có nội dung “*triều đình hậu đãi Chân Lạp, Xiêm Vương cũng cảm ơn, nhưng Nặc Ông Chân vốn là phen giậu của nước Xiêm, nếu Nặc Ông Chân không châu nước Xiêm thì nước Xiêm không trả Nặc Nguyên về*” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, tr.885). Dù biết ý đồ của Xiêm không muốn một mình Việt Nam “bảo hộ” Chân Lạp, nhưng vì ý thức được tiềm lực của hai nước và để giữ mối quan hệ giao hảo nên năm 1816, vua Gia Long khuyên Nặc Ông Chân “*sai sứ đi sang Xiêm La như xưa, không nên trước hậu mà sau bạc*” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, tr.923). Nặc Ông Chân nghe theo, Chân Lạp cùng với Xiêm giao hiếu lại. Tính toán của triều Nguyễn đã đạt được mục đích: vẫn giữ hòa hiếu với Xiêm, vẫn bảo hộ được Chân Lạp.

Mối quan hệ hòa hiếu giữa Việt Nam - Xiêm La trong giai đoạn 1820-1832 tiếp tục duy trì tốt đẹp và đạt đến đỉnh cao của tình hòa hiếu, cụ thể: Năm 1823, quan hệ Xiêm La - Miến Điện xấu đi, vua Miến Điện là Bát-gi-đô đã đề nghị Minh Mạng kí kết một liên minh chống Xiêm La nhưng Minh Mạng từ chối. Năm 1824, Minh Mạng sai hai sứ bộ sang Xiêm La giao hiếu và báo tin Miến Điện ý muốn gây chiến với Xiêm La, việc làm này được vua Xiêm cảm kích: “*vua nước Miến Điện khiến sứ qua thông hảo xin ta đừng giao hiếu với Xiêm nữa. Ngài nghĩ rằng không nên bỏ tình giao hiếu mà gây sự cừ thù*” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1972, tr.124 -125).

Trong những năm 1828, 1829 và 1832, vua Minh Mạng đều cử sứ đi Xiêm La thông hiếu và bàn bạc những vấn đề

liên quan đến hai nước. Đại Việt đã thể hiện thiện chí của mình bằng những cuộc tiếp xúc ngoại giao hòa bình. Không chỉ dừng lại ở vấn đề giao hảo, việc cứu trợ, giúp đỡ người Xiêm được tiếp tục duy trì dưới thời vua Minh Mạng: “*Ta đối với nước Xiêm vốn giữ tình hữu nghị, tuy gần đây có điều không được nhã, nhưng việc chưa rõ, mà việc cứu giúp kẻ tị nạn, quốc thể phải nên như thế*” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, tr.133).

4. Dung hòa mối quan hệ Việt Nam - Chân Lạp - Xiêm La ngăn ngừa xung đột và nguy cơ chiến tranh (1833-1847)

Năm 1833, nhân cơ Lê Văn Khôi khởi nghĩa và cầu viện với lời hứa sẽ chia Nam Kỳ và chịu thần phục, Xiêm nhận thấy đây là cơ hội thuận lợi để đánh bại và gạt ảnh hưởng của Việt Nam ở đất Chân Lạp, vì thế, vua Rama III đã cho quân tiến đánh Chân Lạp và Việt Nam. Sau sự kiện này, Minh Mạng không thể thực hiện chính sách ngoại giao trung lập nữa: “*Người Xiêm thấy lợi làm càn, bỏ nghĩa gây cừ thù, thực vượt ra ngoài tình lí, không cần lại lấy điều nghĩa hiếu dụ nó nữa*” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, tr.39).

Xiêm La đã làm phá vỡ mối quan hệ hòa hiếu này trong khi vua Minh Mạng vẫn cố gắng duy trì trong điều kiện có thể. Điều này được minh chứng qua câu nói của vua Minh Mạng: “*Triều đình ta cùng với nước Xiêm mấy đời hòa mục đã hơn 40 năm... Ta nghĩ chỗ nước láng giềng lẽ đâu vô có trước tự bỏ tình giao hiếu*” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, tr.143).

Năm 1841, Xiêm La tìm cách giúp đỡ những phần tử nổi loạn chống lại triều

đình nhà Nguyễn ở vùng An Giang và Vĩnh Long, cụ thể là Chắt Tri đã mưu lập Nặc Ông Đôn làm quốc trưởng Chân Lạp, đóng đồn chiếm giữ Lạc Hóa, Trà Vinh, Vĩnh Long.

Năm 1842, Xiêm La còn lấy cớ giúp Hoàng Tôn (người tự xưng là con của Hoàng tử Cảnh) tổ chức xâm lược nước ta, quan hệ Việt - Xiêm cắt đứt. Tháng 01 năm 1842, Xiêm La đem thuyền chiến đến đảo Phú Quốc, rồi đến Cần Vọt (Kampot), Bạch Mã nhằm mục đích bao vây Hà Tiên. Lúc bấy giờ triều đình Nguyễn buộc phải dùng lực lượng quân đội để đối phó.

Phía Việt Nam, khi hay tin quân Xiêm La đến Phú Quốc, Nguyễn Công Trứ được lệnh ngăn chặn bước tiến của địch. Nguyễn Tri Phương đem thuyền bố trí quyết giữ vùng giữa sông Tiền và sông Hậu. Vua Thiệu Trị cho cả quân lính từ Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi kéo vào tăng cường. Quân Xiêm dù chiếm được Hà Tiên và đến được kênh Vĩnh Tế nhưng vẫn bị quân Việt Nam ngăn chặn từ mọi phía khắp các mặt trận trên kênh Vĩnh Tế, sông Tiền, sông Hậu nên chúng không thể tiến vào sâu hơn. Từ việc chiếm ưu thế, quân Xiêm chuyển sang bị động, quân triều đình nhà Nguyễn chuyển sang phản công, trước tình thế tiến thoái lưỡng nan, tướng Chắt Tri xin hòa.

Triều Nguyễn phải sử dụng quân đội vì không còn sự lựa chọn nào khác, mặc dù luôn ý thức rằng chiến tranh sẽ đem đến nhiều hệ lụy cho hai nước. Điều này còn được minh chứng qua hành động tích cực của triều đình nhà Nguyễn, sẵn sàng thương lượng, chấm dứt chiến tranh và rút

hết quân đội khi phía Xiêm La đề nghị hòa hoãn và chấm dứt chiến tranh. Hướng giải quyết của hai nước trong vấn đề Chân Lạp là “*một hiệp ước được dựng lên có chữ kí của Nguyễn Tri Phương và Chắt Tri (tướng Xiêm) để kết thúc cuộc xung đột*” (Phạm Văn Sơn, 1961, tr.402).

Chân Lạp được độc lập, Đại Việt và Xiêm La đều giải binh. Năm 1847, triều đình nhà Nguyễn rút quân về An Giang, quan hệ Việt - Xiêm từ đây trở về sau không có gì trở ngại. Đến khi Pháp xâm lược nước ta thì mối quan hệ này bước sang thời kì khác.

5. Kết luận

Quan hệ đối ngoại là vấn đề hết sức quan trọng quyết định đến sự phát triển của một đất nước. Quan hệ đối ngoại của Việt Nam có từ khá sớm đối với những nước láng giềng liền kề biên giới như Trung Quốc, Chân Lạp, Ai Lao... Tuy quan hệ Việt - Xiêm muộn hơn quan hệ với các nước láng giềng trong khu vực nhưng mối quan hệ Việt - Xiêm có tác động lớn đến tình hình khu vực, nhất là trong vấn đề dung hòa mối quan hệ Việt Nam - Chân Lạp - Xiêm La.

Mối quan hệ Việt - Xiêm đầu thế kỉ XIX có sự thăng hoa nhưng sau lại xấu đi, trong đó yếu tố quan trọng chi phối mối quan hệ này là vấn đề Chân Lạp. Chân Lạp là “vùng đệm” giữa hai nước, đang trong tình trạng khủng hoảng nên Chân Lạp luôn bị chi phối bởi hai vương triều cầm quyền. Sự chi phối này mang tính thuận chiều, gắn liền với mối quan hệ của hai nước Việt - Xiêm.

Nhìn chung quan hệ Việt - Xiêm hết

sức hòa hiếu. Chân Lạp triều cống cho cả hai nước, chịu sự “thần phục kếp”. Trong quan hệ hai nước, có những lúc căng thẳng, thậm chí dẫn đến xung đột quân sự (1841-1845) do tranh chấp trong vấn đề bảo hộ Chân Lạp, nhưng hai nước đã tìm cách hóa giải vấn đề này hết sức khéo léo.

Như vậy, có thể kết luận rằng, trong quan hệ bang giao Việt - Xiêm, vấn đề Chân Lạp có tác động đến cả hai nước. Vì

“mục tiêu chung”, hai nước luôn có những thỏa thuận tìm ra biện pháp để đảm bảo quyền lợi cho cả hai bên bằng nhiều con đường khác nhau. Tuy có lúc căng thẳng, xung đột quân sự, nhưng nhìn chung đó là mối quan hệ hòa hiếu nhằm cân bằng thế lực trong khu vực, trong đó những cách thức ngoại giao nhằm hạn chế tối đa nguy cơ chiến tranh luôn được triều Nguyễn áp dụng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đỗ Bang, Nguyễn Minh Tường. (1996). *Chân dung các vua Nguyễn*. Huế: NXB Thuận Hóa.
- Lê Quý Đôn. (1964). *Phủ biên tạp lục*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Trịnh Hoài Đức. (1960). *Gia Định thành thông chí*. Bản dịch tiếng Việt của Phan Trang. TPHCM: NXB Đại học Tổng hợp TPHCM.
- Trần Trọng Kim. (2005). *Việt Nam sử lược*. Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nội các triều Nguyễn. (1993). *Khâm Định Đại Nam hội điển sử lệ*. Tập 8. Huế: NXB Thuận Hóa.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (1993). *Đại Nam chính biên liệt truyện*. Tập 2. Huế: NXB Thuận Hóa.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (1963). *Đại Nam thực lục chính biên*. Tập 4. Hà Nội: NXB Sử học.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Việt Nam thực lục*. Chính biên – đệ nhất kỉ. Quyển 3. Tập 1. Bản dịch của Viện Sử học. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Việt Nam thực lục*. Chính biên – đệ nhất kỉ. Quyển 86. Tập 1. Bản dịch của Viện sử học. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Việt Nam thực lục*. Chính biên – đệ nhất kỉ. Quyển 48. Tập 1. Bản dịch của Viện sử học. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Việt Nam thực lục*. Chính biên – đệ nhất kỉ. Quyển 52. Tập 1. Bản dịch của Viện sử học. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Việt Nam thực lục*. Tập 9. Bản dịch của Viện sử học. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Việt Nam thực lục*. Tập 14. Bản dịch của Viện sử học. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Quốc sử quán Triều Nguyễn. (1972). *Quốc triều chính biên toát yếu*. Sài Gòn: Nhóm nghiên cứu Sử - Địa Việt Nam xuất bản.
- Phạm Văn Sơn. (1961). *Việt sử Tân biên*. Hà Nội: Tủ sách Sử học Việt Nam.